

**CÔNG TY CP DƯỢC HẬU GIANG**  
**DHG PHARMACEUTICAL JOINT-STOCK COMPANY**  
**ĐƠN VỊ CƠ ĐIỆN**  
**UNIT: ME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

*Cần Thơ ngày 15 tháng 08 năm 2025*  
*Can Tho, August 15, 2025.*

**HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ**  
**INVITATION TO BID DOCUMENTS**

**DỰ ÁN: DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM**  
**PROJECT: TESTING SERVICE**

**GÓI THẦU: DỊCH VỤ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC SẠCH CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**  
**BIDDING: CLEAN WATER FOR DOMESTIC USE QUALITY TESTING SERVICE**

Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (DHG Pharma) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Chúng tôi có nhu cầu thuê đơn vị thực hiện kiểm nghiệm mẫu nước sạch cho mục đích sinh hoạt

*Hau Giang Pharmaceutical Joint Stock Company (DHG Pharma) operates in the field of pharmaceutical production and trading. We are looking to hire a company to conduct clean water for domestic use quality testing*

**I. PHÁP LÝ/ CERTIFICATE**

Vui lòng gửi cho DHG pharma thông tin về năng lực pháp lý:

*Please mention certificate which your company have*

| <b>Số<br/>No.<br/>(*)</b> | <b>Tên chứng nhận<br/>Certificate name</b>                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                         | Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp còn hiệu lực- Bản sao y công chứng<br><i>Certificate of business/enterprise registration still valid- Notarized copy</i>                                                                  |
| 2                         | Hồ sơ năng lực công ty- Bản sao y công chứng<br><i>Capacity company profile- Notarized copy</i>                                                                                                                                       |
| 3                         | Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm mẫu nước còn hiệu lực- Bản sao y công chứng<br><i>Certificate of registration for providing water quality testing still valid- Notarized copy</i>                                       |
| 4                         | Giấy chứng nhận phòng thí nghiệm đạt chuẩn: theo ISO/IEC 17025:2017 hoặc GLP còn hiệu lực- Bản sao y công chứng<br><i>Laboratory certificate meetin standards: according to ISO/IEC 17025:2017 or GLP still valid- Notarized copy</i> |

| Số<br>No.<br>(*) | Tên chứng nhận<br>Certificate name                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5                | <p>Hồ sơ chứng minh hoặc giấy cam đoan/ cam kết rằng Quý công ty/ đơn vị Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia dự thầu. Không nợ thuế, Không nợ bảo hiểm, người lao động, Không vi phạm các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh, như gian lận, trốn thuế, cạnh tranh không lành mạnh, v.v... Không có tranh chấp pháp lý, không bị kiện tụng, không bị xử lý bởi cơ quan pháp luật trong 3 năm gần đây. Không bị kê biên phong tỏa tài khoản. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p><i>Documents proving or a guarantee/commitment that your company/unit is not being prosecuted for criminal liability. Not being banned from participating in bidding. Not owing taxes, not owing insurance, employees, not violating legal regulations during business operations, such as fraud, tax evasion, unfair competition, etc. No legal disputes, not being sued, not being handled by law enforcement agencies in the last 3 years. Not having accounts seized or frozen. Not in the process of carrying out dissolution procedures or having the Business Registration Certificate revoked. Not in a case of insolvency according to the provisions of the law on bankruptcy.</i></p> |

## II. KINH NGHIỆM/ EXPERIENCE

Vui lòng liệt kê các kinh nghiệm thực tế hoạt động thử nghiệm

*Please list any practical experience in testing operations.*

| Số<br>No. | Tên dự án<br>Project name | Quy mô<br>Size | Địa điểm<br>Place | Năm<br>Year | Nội dung công việc<br>Work item                                                       | Tuân theo<br>Comply with | YÊU CẦU CỦA DHG<br>DHG'S REQUIREMENTS                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|---------------------------|----------------|-------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         |                           |                |                   |             | Cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm mẫu nước<br><i>Providing water quality test services</i> |                          | Có ít nhất 2 hợp đồng hoặc biên bản xác nhận dịch vụ hoặc các hồ sơ liên quan đến dịch vụ kiểm nghiệm mẫu nước<br><i>Have at least 2 contracts or service confirmation minutes documents related to water sample testing services</i> |

### III. YÊU CẦU VỀ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT/ *TECHNICAL REQUIREMENTS*

| <b>STT<br/>No.</b> | <b>YÊU CẦU CỦA DHG<br/><i>DHG'S REQUIREMENTS</i></b>                                                                                                                                                                                                  | <b>GHI CHÚ<br/><i>COMMENTS</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.                 | <p>Cung cấp dịch vụ kiểm mẫu nước sạch cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT (kiểm đầy đủ tất cả các chỉ tiêu)</p> <p><i>Providing service: clean water for domestic use quality according QCVN 01-1:2024/BYT (check all parameters)</i></p> | <p>-Số lượng trong tháng 3: (3 mẫu), tháng 9 (3 mẫu)</p> <p><i>-Quantity in March: 3 samples , September 2025: 3 samples</i></p> <p>-Các phương pháp kiểm nghiệm phải có giới hạn phát hiện bằng hoặc nhỏ hơn ngưỡng giới hạn cho phép được liệt kê ở điều 4 của QCVN 01-1:2024/BYT</p> <p><i>- Testing methods must have detection limits equal to or less than the allowable limits listed in Article 4 of QCVN 01-1:2024/BYT</i></p> |

Cung cấp dịch vụ kiểm mẫu nước sinh hoạt các chỉ tiêu sau:

*Providing service: domestic water quality for these parameters:*

| STT | CHỈ TIÊU                                 | STT | CHỈ TIÊU CỤ THỂ               | MỨC TỐI ĐA CHO PHÉP |
|-----|------------------------------------------|-----|-------------------------------|---------------------|
| 1   | Intestinal enterococci                   |     |                               |                     |
| 2   | Bisphenol A                              |     |                               | 2.5ug/L             |
| 3   | Chlorate                                 |     |                               | 0.25mg/L            |
| 4   | Chlorite                                 |     |                               | 0.25mg/L            |
| 5   | Tetrachloroethene                        |     |                               | 10ug/L              |
|     | Trichloroethene                          |     |                               |                     |
| 6   | Haloacetic acids (HAAs)                  | 1   | - Monobromoacetic acid        | 60ug/L              |
|     |                                          | 2   | - Monochloroacetic acid       |                     |
|     |                                          | 3   | - Dichloroacetic acid         |                     |
|     |                                          | 4   | - Trichloroacetic acid        |                     |
|     |                                          | 5   | - Dibromoacetic acid          |                     |
| 7   | Sum of PFAS                              |     |                               | 0.1ug/L             |
| 8   | Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)          |     |                               | 0.1ug/L             |
| 9   | Benzo(a)pyrene                           |     |                               | 0.01ug/L            |
| 10  | Trihalomethanes Total                    |     |                               | 100ug/L             |
| 11  | Uranium                                  |     |                               | 30ug/L              |
| 12  | Clostridium perfringens including spores |     |                               |                     |
| 13  | Conductivity                             |     |                               | 2500uS/cm 20 °C     |
| 14  | Total organic carbon (TOC)               |     |                               | No abnormal change  |
| 15  | Legionella                               |     |                               | 1000CFU/L           |
| 16  | Lead (Pb)                                |     |                               | 10ug/L              |
| 17  | Colony count 22 °C                       |     |                               | No abnormal change  |
| 18  | Pesticides                               | 1   | 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan | 0.1ug/L             |

-Số lượng trong tháng 3: (1 mẫu), tháng 9 (1 mẫu)

*-Quantity in March: 3 samples, September 2025: 3 samples*

- Các phương pháp kiểm nghiệm phải có giới hạn phát hiện bằng hoặc nhỏ hơn giá trị được liệt kê ở cột mức tối đa cho phép ở bảng bên trái

*- Testing methods must have a detection limit equal to or less than the value listed in the maximum allowable level column in the left table.*

|    |                  |  |    |                                                |         |  |
|----|------------------|--|----|------------------------------------------------|---------|--|
|    |                  |  | 2  | 1,2 - Dicloropropan                            | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 3  | 1,3 - Dichloropropen                           | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 4  | Atrazine and its chloro-s-triazine metabolites | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 5  | Hydroxyatrazine                                | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 6  | Cyanazine                                      | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 7  | 2,4 - D                                        | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 8  | 2,4 - DB                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 9  | Dichloprop                                     | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 10 | Fenoprop                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 11 | MCPA                                           | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 12 | Mecoprop                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 13 | Alachlor                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 14 | Aldicarb                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 15 | Carbofuran                                     | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 16 | Clorotoluron                                   | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 17 | Isoproturon                                    | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 18 | Molinate                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 19 | Permethrin                                     | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 20 | Propanil                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 21 | Simazine                                       | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 22 | Chlorpyrifos                                   | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 23 | Clodane                                        | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 24 | DDT and metabolites                            | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 25 | Methoxychlor                                   | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 26 | Trifuralin                                     | 0.1ug/L |  |
|    |                  |  | 27 | Pendimetalin                                   | 0.1ug/L |  |
| 19 | Pesticides Total |  |    |                                                | 0.5ug/L |  |
| 20 | Microcystin-LR   |  |    |                                                | 1ug/L   |  |

#### IV. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL CAPACITY*

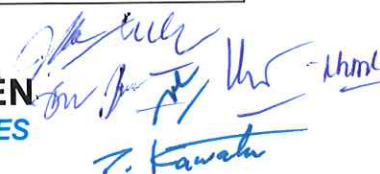
| <b>STT</b><br><i>No.</i> | <b>NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b><br><i>ITEM</i>                                                                                                                                                                                                 | <b>GHI CHÚ</b><br><i>COMMENTS</i> | <b>YÊU CẦU CỦA DHG</b><br><i>DHG'S REQUIREMENTS</i>                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                        | Nhà thầu nộp Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế 03 năm gần nhất<br><i>Contractor submits audited financial statements or financial statements submitted to tax authorities for the last 3 years</i> |                                   | Nhà thầu nộp Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế 03 năm gần nhất<br><i>Contractor submits audited financial statements or financial statements submitted to tax authorities for the last 3 years</i> |

#### V. YÊU CẦU KHÁC/ *OTHER REQUEST*

| <b>STT</b><br><i>No.</i> | <b>NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ</b><br><i>ITEM</i>                                                     | <b>GHI CHÚ</b><br><i>COMMENTS</i> | <b>YÊU CẦU CỦA DHG</b><br><i>DHG'S REQUIREMENTS</i> |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1.                       | Cung cấp dịch vụ trả kết quả dưới dạng song ngữ<br><i>Provide bilingual results service</i> |                                   | Có/ <i>Yes</i>                                      |

**CẤP CÓ THẨM QUYỀN**  
*COMPETENT AUTHORITIES*

  
.....

  
T. Kawata